TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 196/2019/DS- ST
Ngày: 27-6-2019.
V/v "tranh chấp hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Huỳnh Thị Phê
Các hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Sơn.
Ông Phạm Văn Vũ.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2019/TLST–DS ngày 23 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp "hợp đồng góp hụi" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1123/2019/QĐXXST –DS ngày 28 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Phạm Thị L, sinh năm 1976; địa chỉ: 57/2 ấp QL, xã L, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

Bị đơn: Bà Võ Thị D, sinh năm 1965; ông Phạm Văn V, sinh năm 1967; cùng địa chỉ: 46/2 ấp QB, xã L, huyện P, tỉnh Bến Tre. Bà D và ông V vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Chí C, sinh năm 1976. Địa chỉ: 57/2 ấp QB, xã L, huyện P, tỉnh Bến Tre. Anh Nguyễn Chí C ủy quyền cho chị Phạm Thị L cùng địa chỉ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Phạm Thị L đồng thời được sự ủy quyền của Nguyễn Chí C trình bày:

Từ năm 2015 chị có làm chủ hụi, bà D là hụi viên có tham gia với chị 02 dây hụi, cụ thể như sau:

- Dây thứ nhất: hụi khui ngày 25/6/2015 (âm lịch), gồm 16 hụi viên, bà D tham gia 01 phần hụi, mỗi phần là 2.000.000 đồng. Hụi khui và góp hàng tháng, bà D kêu và hốt hụi đầu với số tiền 22.500.000 đồng và chị giao tiền hụi cho bà D đầy đủ. Sau khi hốt hụi bà D có đóng hụi chết cho chị với số tiền 19.000.000 đồng. Từ tháng 4/2016 đến nay bà D không đóng hụi chết cho chị nên còn nợ lại 11.000.000 đồng.

- Dây thứ hai: hụi khui ngày 20/4/2016 (âm lịch), gồm 19 hụi viên, bà D tham gia 01 phần hụi, mỗi phần là 2.000.000 đồng. Hụi khui và góp hàng tháng, bà D kêu và hốt hụi đầu với số tiền 27.620.000 đồng và chị giao tiền hụi cho bà D đầy đủ. Sau khi hốt hụi bà D có đóng hụi chết cho chị được 3 tháng với số tiền 6.000.000 đồng; từ tháng 7/2016 đến nay bà D không đóng hụi chết cho chị nên còn nợ lại 32.000.000 đồng. Tổng công hai dây hụi bà D nợ chị 43.000.000 đồng. Số tiền trên là tài sản chung của chị và chồng chị là anh Nguyễn Chí C.

Do bà D không đóng hụi nên chị có yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết, cụ thể tại biên bản ngày 29/7/2017 của chính quyền ấp Quí Bình, xã Hòa Lợi; biên bản ngày 09/11/2017, ngày 03/01/2019 của Ủy ban nhân dân xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú. Tại các biên bản bà D thừa nhận có nợ chị 40.000.000 đồng và có cam kết trả nợ nhưng vẫn không thực hiện. Mục đích bà D chơi hụi là để chi tiêu chung trong gia đình nên ông Phạm Văn V là chồng của bà D hoàn toàn biết việc chơi hụi giữa chị và bà D, đồng thời ông V có sử dụng chung số tiền nêu trên.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị D và ông Phạm Văn V phải liên đới trả cho chị và anh Nguyễn Chí C số tiền 40.000.000 đồng; yêu cầu trả 01 lần; không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Võ Thị D và Phạm Văn V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo nhưng bà D và ông V vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp về hụi, họ, biêu phường" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Võ Thị D và Phạm Văn V có đăng ký hộ khẩu tại ấp QL, xã L, huyện P, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bà Võ Thị D và ông Phạm Văn V các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà D và ông V vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà D và ông V.

[4] Về nội dung vụ án: chị L yêu cầu bà D và ông V có nghĩa vụ liên đới trả cho chị và anh C số tiền hụi là 40.000.000 đồng.

[5] Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn Phạm Thị L đã cung cấp là bản chính biên bản hòa giải ngày 29/7/2017 của ấp QB, xã L, huyện P và bản chính biên bản hòa giải ngày 9/11/2017, ngày 03/01/2019 của Uỷ ban nhân dân xã L, huyện P thể hiện nội dung bà D có thừa nhận hiện nay còn nợ chị L số tiền hụi như trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với bị đơn Võ Thị D và Phạm Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không

có lý do nên bị đơn Võ Thị D và Phạm Văn V đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Xét thấy hợp đồng góp hụi giữa chị L và bà D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do bà D đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lẽ đó yêu cầu khởi kiện của chị L là có căn cứ nên cần buộc bà D có trách nhiệm trả cho chị L và anh C số tiền 40.000.000 đồng là phù hợp.

[7] Mặc dù ông V không trực tiếp chơi hụi với chị L nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị L trình bày việc bà D chơi hụi là để chi tiêu, sinh hoạt chung trong gia đình nên ông V là chồng bà D cũng biết rõ. Do đó căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân gia đình 2014 cần buộc ông Phạm Văn V có trách nhiệm liên đới với bà Võ Thị D để trả cho chị L và anh C số tiền 40.000.000 đồng là phù hợp.

[8] Do chị Phạm Thị L không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết.

[9] Bà Võ Thị D và ông Phạm Văn V phải liên đới nộp án phí theo quy định của pháp luật, được tính như sau: 5% x 40.000.000 đồng = 2.000.000 đồng.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ–CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính Phủ qui định về họ, hụi, biêu phường Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, Điều 27, điểm d Tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L.

Buộc bà Võ Thị D và ông Phạm Văn V có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Chí C số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Do chị Phạm Thị L không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: bà Võ Thị D và ông Phạm Văn V phải liên đới nộp 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Chị Phạm Thị L được Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) theo biên lai thu số 0021652 ngày 23 tháng 01 năm 2019.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
-VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Huỳnh Thị Phê

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Phạm Văn Vũ-Dương Văn Hai	**Cao Thanh Minh**

.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
	Cao Thanh Minh

Caùc Hoäi thaåm nhaân daân Chuû toaï phieân toaø **Thaåm phaùn –**